

MỘT SỐ TIẾP CẬN DÂN TỘC HỌC MỚI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: nvsuu@yahoo.com

Tóm tắt: Bài viết tổng hợp và phân tích những khái niệm, phương pháp và nguyên tắc nghiên cứu then chốt của một số tiếp cận dân tộc học mới ra đời ở kỷ nguyên số trong nhân học và các ngành khoa học xã hội và nhân văn trên thế giới như: “Dân tộc học ảo”, “Dân tộc học mạng”, “Dân tộc học số”, “Dân tộc học kết hợp”. Những thuật ngữ này được điều chỉnh một cách sáng tạo từ các tiếp cận dân tộc học truyền thống để thích nghi với các bối cảnh nghiên cứu mới. Điều này không chỉ là bước đi tiên phong khám phá nhiều vấn đề mới gắn với Internet, công nghệ số và truyền thông xã hội, mà đã thực sự mở ra những cách phân tích mới trong nghiên cứu các không gian trực tiếp, không gian trực tuyến và các không gian kết hợp ở địa bàn nghiên cứu trong bối cảnh số.

Từ khóa: Dân tộc học truyền thống, Dân tộc học ảo, Dân tộc học mạng, Dân tộc học số, Dân tộc học kết hợp.

Abstract: This paper synthesizes and analyzes the key concepts, methods, and research principles of some new ethnographic approaches in anthropology, social sciences, and humanities in the digital age, including virtual ethnography, netnography, digital ethnography, and hybrid ethnography. These terms are creatively adapted from traditional ethnographic approaches to suit the new research contexts, which is not only a pioneering step in exploring various new issues related to the Internet, digital technologies, and social media but has indeed opened up new ways for analyzing the offline space, online space, and hybrid spaces in the research site in the digital context.

Keywords: Traditional ethnography, Virtual ethnography, Netnography, Digital ethnography, Hybrid ethnography.

Ngày nhận bài: 7/5/2024; ngày gửi phản biện: 13/5/2024; ngày duyệt đăng: 21/6/2024.

Mở đầu

Nghiên cứu dân tộc học (*ethnography*) là một cách tiếp cận nghiên cứu do nhà nhân học xã hội Bronislaw Malinowski (1922, tái bản 2002) hoàn thiện cách đây hơn một thế kỷ và từ đó trở thành cách tiếp cận nghiên cứu chủ đạo của các nhà nhân học văn hóa - xã hội và ngôn

ngữ. Từ nửa sau thế kỷ XX, tiếp cận dân tộc học được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn, và được đổi mới theo các hướng khác nhau, làm hình thành các tiếp cận dân tộc học chuyên ngành như: dân tộc học giới, dân tộc học đô thị, dân tộc học hình ảnh,... Các tiếp cận này được phân loại là các tiếp cận dân tộc học truyền thống vì chủ yếu quan tâm đến không gian nghiên cứu trực tiếp.

Hơn hai thập kỷ của kỷ nguyên số vừa qua chứng kiến sự ra đời và phát triển của một số tiếp cận dân tộc học mới¹, gắn với Internet theo những cách khác nhau. Trong bối cảnh tiếp cận dân tộc học không còn là cách nghiên cứu riêng của nhân học, chúng ta dễ nhận thấy các phát triển mới trong tiếp cận dân tộc học có sự đóng góp quan trọng của các nhà khoa học thuộc các ngành học khác nhau, như nhân học, xã hội học, nghiên cứu văn hóa và truyền thông,... Khối lượng tài liệu bàn về các tiếp cận dân tộc học mới ngày càng phong phú, đề cập đến nhiều chiều cạnh, phương pháp và các vấn đề khác nhau của nghiên cứu dân tộc học theo những cách mới. Bài viết này, thay vì bao quát mọi vấn đề, sẽ tập trung phân tích một số điểm then chốt của các tiếp cận dân tộc học truyền thống và mới được phát triển trong hơn một thế kỷ qua. Cụ thể hơn, bên cạnh các tiếp cận truyền thống, bài viết giới thiệu và phân tích một số tiếp cận dân tộc học mới ra đời trong hơn hai thập kỷ qua gắn với các khái niệm then chốt, như “ảo” (*virtual*), Internet, mạng (*net*), “số” (*digital*), trực tuyến (*online*). Các tiếp cận dân tộc học mới này được trình bày một cách có hệ thống trong các công trình, bao gồm *Virtual ethnography (Dân tộc học ảo)* của Christine Hine (2000), *Netnography (Dân tộc học mạng)* của Robert Kozinets (2010; 2015), *Digital ethnography (Dân tộc học số)* của Horst và cộng sự (2015), và *Hybrid ethnography (Dân tộc học kết hợp)* của Liz Przybylski (2020). Song hành với các tiếp cận dân tộc học truyền thống, các tiếp cận dân tộc học mới gắn với Internet đã tạo nên một bước ngoặt trong nghiên cứu nhân học nói riêng và các ngành khoa học xã hội và nhân văn nói chung. Các tiếp cận dân tộc học mới này có những đặc điểm khác biệt quan trọng so với các tiếp cận dân tộc học truyền thống trên các phương diện đối tượng nghiên cứu, địa bàn nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, tư liệu và cách phân tích tư liệu dân tộc học,... Trong bối cảnh Việt Nam, các tiếp cận mới còn ít được thảo luận và sử dụng trong nghiên cứu nhân học nói riêng và các ngành khoa học xã hội và nhân văn nói chung.

Các tiếp cận dân tộc học mới ra đời và song hành với các tiếp cận dân tộc học truyền thống phản ánh thực tiễn xã hội con người trong kỷ nguyên số khi không gian trực tuyến kết nối mật thiết với không gian trực tiếp. Thực tế này mở ra những điểm mới trong đối tượng nghiên cứu, không gian nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và tư liệu mới, được các nhà khoa học xác định bằng khái niệm hay tên gọi khác nhau. Tuy nhiên, điểm then chốt của các tiếp cận dân tộc học mới được bàn đến ở đây là việc điều chỉnh cách nghiên cứu dân tộc học truyền thống cho phù hợp với không gian nghiên cứu mới gắn với Internet như: không gian ảo, không gian số hay không gian trực tuyến và không gian trực tiếp. Các tiếp cận dân tộc học

¹ Trong khuôn khổ bài viết này, nội dung nghiên cứu chỉ dừng lại ở một số tiếp cận dân tộc mới gắn với Internet. Ngoài các tiếp cận mới đề cập trong bài viết này còn có một số tiếp cận dân tộc học mới theo nghĩa khác như Dân tộc học cảm quan (*Sensory ethnography*) song không được bàn đến tại đây.

mới vừa có sự tiếp nối và kết nối mật thiết với các tiếp cận dân tộc học truyền thống, vừa tạo ra những phương pháp mới để khám phá, phân tích, giải thích thực tiễn văn hóa và xã hội con người trong các bối cảnh cụ thể của kỷ nguyên số.

1. Các tiếp cận dân tộc học truyền thống

Các tiếp cận dân tộc học truyền thống được định danh bởi phương pháp quan sát tham gia (*participant observation*). Phương pháp này đòi hỏi người điền dã dân tộc học tham gia vào đời sống hằng ngày của đối tượng nghiên cứu để quan sát và ghi chép lại thành tư liệu dân tộc học, phân tích và sử dụng tư liệu đó để viết kết quả nghiên cứu. Trong cuốn sách định danh tiếp cận dân tộc học, *Argonauts of the Western Pacific* (1922, tái bản 2002), nhà nhân học xã hội người Anh Bronislaw Malinowski cho rằng điền dã dân tộc học phải là “điền dã khoa học” (*scientific fieldwork*). Theo Malinowski, nhà nhân học phải thực hiện quan sát tham gia, sử dụng ngôn ngữ địa phương, nói chuyện, ghi chép tư liệu. Malinowski lập luận rằng có nhiều hiện tượng quan trọng nhưng chúng ta không thể hiểu hết chúng bằng phương pháp phỏng vấn, nghiên cứu tài liệu, mà phải thông qua quan sát tham gia một cách đầy đủ để hiểu ý nghĩa và giá trị thực của chúng. Điền dã dân tộc học theo cách này có 4 mục tiêu: (1) Phác họa một bức tranh đầy đủ về văn hóa địa phương; (2) Phác họa được xương sống của văn hóa; (3) Thu thập tư liệu về cuộc sống và ứng xử hằng ngày của người dân địa phương; (4) Tìm hiểu tinh thần, quan điểm, ngôn ngữ của người địa phương. “Quan sát tham gia” theo cách của Malinowski trở thành phương pháp nền tảng của nghiên cứu nhân học. Phương pháp này giúp nhà nhân học sử dụng “tham gia” như một phương tiện để quan sát và phân tích đối tượng nghiên cứu từ chính góc nhìn của nhân học.

Trong những năm 1970, nhà nhân học người Mỹ Clifford Geertz (1973) tạo nên một bước ngoặt trong nghiên cứu nhân học khi ông cho rằng nghiên cứu dân tộc học phải là “mô tả sâu” (*thick description*). Trong lý luận về mô tả sâu, Clifford Geertz coi văn hóa như một văn bản, một văn bản văn hóa công cộng, nằm ngoài não người. Nhà nhân học tiếp cận được văn bản văn hóa thì có thể đọc và diễn giải ý nghĩa của nó. Mô tả sâu là diễn giải chi tiết những trải nghiệm của nhà nhân học trong điền dã dân tộc học để làm rõ các hành vi văn hóa của đối tượng nghiên cứu và đặt hành vi văn hóa của họ (chủ thể văn hóa) trong bối cảnh của chúng để diễn giải ý nghĩa. Theo đó, mô tả sâu phải cung cấp đầy đủ bối cảnh của hành vi văn hóa để người ngoài cuộc có thể hiểu được ý nghĩa của hành vi văn hóa (Geertz, 1973).

Trong những năm gần đây, giống nhiều nhà nhân học khác, Kathleen DeWalt và Billie DeWalt (2011, tr. 1) tiếp tục khẳng định “điền dã dân tộc học” phải dựa trên nền tảng của phương pháp quan sát tham gia: “*quan sát tham gia là một phương pháp đòi hỏi nhà nghiên cứu tham gia vào các hoạt động hằng ngày, các nghi lễ, tương tác và các sự kiện của một nhóm người như một cách học hỏi những chiều cạnh rõ ràng và ẩn của các thói quen và văn hóa của họ*”. Như vậy, quan sát tham gia là phương pháp nền tảng và là phương pháp định danh tiếp cận dân tộc học. Các thành tố cơ bản của quan sát tham gia gồm:

- Sống ở địa bàn nghiên cứu trong một thời gian đủ dài.

- Học và sử dụng ngôn ngữ địa phương.
- Tham gia tích cực vào những hoạt động đa dạng mang tính hằng ngày và các sự kiện của đối tượng nghiên cứu.
- Nói chuyện hằng ngày như một cách phỏng vấn.
- Quan sát một cách không chính thức các hoạt động ở địa bàn nghiên cứu.
- Ghi chép những quan sát thành tư liệu dân tộc học.
- Sử dụng cả hai loại thông tin rõ ràng và thông tin ẩn trong phân tích và viết kết quả nghiên cứu.

2. Một số tiếp cận dân tộc học mới trong kỷ nguyên số

Trong khi các tiếp cận dân tộc học truyền thống vẫn là cách nghiên cứu chủ đạo của các nhà nhân học song lại không có khả năng giúp các nhà nhân học tìm hiểu nhiều vấn đề trong các địa bàn nghiên cứu mới xuất hiện gắn với Internet. Trong bối cảnh đó, các tiếp cận dân tộc học mới lần lượt ra đời, tạo nên một bước ngoặt trong cách nghiên cứu, giúp các nhà nhân học và người điền dã dân tộc học có công cụ khám phá và phân tích cả không gian trực tiếp và không gian trực tuyến.

Bảng 1: Một số đặc điểm chính của các tiếp cận dân tộc học

Thời gian	Tên tiếp cận	Không gian nghiên cứu	Phương pháp chủ đạo
Thập niên 1920	Dân tộc học (<i>Ethnography</i>)	Không gian trực tiếp được lý thuyết hóa thành văn hóa/xã hội	Quan sát tham gia
Thập niên 2000	Dân tộc học ảo (<i>Virtual ethnography</i>)	Không gian ảo được lý thuyết hóa thành văn hóa trực tuyến	Tham gia, đọc và diễn giải ý nghĩa văn hóa trực tuyến
Thập niên 2010	Dân tộc học mạng (<i>Netnography</i>)	Không gian mạng được lý thuyết hóa thành xã hội trực tuyến	Gắn kết, tương tác và phân tích tương tác xã hội trực tuyến
	Dân tộc học số (<i>Digital ethnography</i>)	Không gian số được lý thuyết hóa thành công nghệ số và truyền thông xã hội trên các nền tảng số	Tham gia, quan sát và cộng tác với đối tượng nghiên cứu
Thập niên 2020	Dân tộc học kết hợp (<i>Hybrid ethnography</i>)	Không gian trực tiếp và không gian trực tuyến, và hai không gian này không tách rời nhau	Kết hợp nghiên cứu cả hai không gian bằng hai loại phương pháp dân tộc học trực tiếp và dân tộc học trực tuyến

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

2.1. Dân tộc học ảo

Virtual ethnography là dân tộc học ảo, là việc vận dụng phương pháp dân tộc học truyền thống để nghiên cứu trên Internet. Đây là cách tiếp cận dân tộc học đi tiên phong trong khám phá việc sử dụng Internet và diễn giải ý nghĩa của việc sử dụng Internet trong các bối cảnh cụ thể. Trong *Virtual ethnography* công bố năm 2000, Christine Hine khẳng định rằng cuốn sách của bà là một cách tiếp cận dân tộc học về Internet (*an ethnographic approach to the Internet*, hay *an ethnography of the internet*). Đến năm 2015, Hine chuyển sang gọi là *Ethnography for the Internet* (Hine, 2015).

- Internet là một không gian nghiên cứu

Trong dân tộc học ảo, Hine xác định Internet là đối tượng có thể nghiên cứu được bằng tiếp cận dân tộc học vì *Internet là một không gian nghiên cứu*. Lấy cảm hứng từ phép ẩn dụ của Clifford Geertz (1973), Hine lý thuyết hóa Internet là văn hóa (*Internet as culture*) và tạo tác văn hóa (*Internet as cultural artifacts*). Bằng cách đó, nhà dân tộc học ảo tiếp cận văn bản Internet và tạo tác văn hóa Internet, có thể đọc và diễn giải ý nghĩa của chúng, và đây là tư liệu dân tộc học ảo.

Theo Hine, *Internet là văn hóa*, cụ thể là văn hóa trực tuyến (*online culture*) vì các giao tiếp dựa trên máy tính tạo ra cộng đồng ảo, các trang mạng, nhóm tin tức..., trong đó hình thành và tồn tại các quan hệ xã hội, tương tác xã hội có ý nghĩa giữa các thành viên trong cộng đồng ảo (*virtual community*), giữa những người tham gia trong không gian ảo. Nói cách khác, trong các không gian ảo tồn tại các mối quan hệ xã hội có ý nghĩa khi một người gửi một tin, một người khác đáp lại và tương tác này mở ra không gian là một bối cảnh văn hóa. Khi các giao tiếp dựa trên máy tính được khái niệm hóa thành văn hóa thì nó trở thành đối tượng khám phá của các nhà nhân học và các nhà khoa học xã hội. Như vậy, Internet trở thành địa bàn nghiên cứu để tìm hiểu xem con người làm gì khi họ hiện diện và tương tác trực tuyến.

Hine lập luận *Internet là tạo tác văn hóa, tức là văn bản công nghệ (technology text)*. Tác giả cho rằng Internet tồn tại phổ biến, kết nối con người với công nghệ, truyền thông và các lĩnh vực ngoài truyền thông. Internet tồn tại như một “khách thể văn hóa” (*cultural object*) trên hai phương diện: công nghệ và xã hội. Internet là một công nghệ có các đặc tính kỹ thuật, song được định hình bởi các bối cảnh xã hội. Internet là một kiến tạo xã hội trong lịch sử hình thành và thời điểm sử dụng nó. Do đó, Internet không tồn tại như một khách thể đồng nhất mà phổ biến ở mọi nơi theo những cách khác nhau. Theo đó, phân tích Internet là phân tích cả việc sản xuất Internet và sử dụng Internet. Nhà nghiên cứu có thể sử dụng tiếp cận dân tộc học để khám phá những cách thức, bối cảnh kiến tạo và sử dụng Internet như một tiến trình xã hội để tìm hiểu các thực thể và các tương tác xã hội liên quan.

- Phương pháp dân tộc học ảo

Hine xác định Internet có thể nghiên cứu được bằng *phương pháp dân tộc học ảo*. Các giao tiếp dựa trên máy tính có thể nghiên cứu bằng tiếp cận dân tộc học. Theo đó, các nhà

nghiên cứu tìm hiểu những gì con người “làm” với công nghệ và “tương tác” với nhau sau đó lý giải vì sao họ làm như vậy trong không gian ảo. Về địa bàn nghiên cứu, nghiên cứu “hiện tượng ảo” dựa trên máy tính thì việc tiếp cận “địa bàn ảo” dễ dàng hơn tiếp cận “địa bàn thực tiếp”. Internet có lịch sử ra đời và phát triển khá dài, có nguồn gốc từ các lĩnh vực công nghệ quân sự, liên lạc và có thể trở thành một hàng hóa đối với bất kỳ ai có thể tiếp cận nó. Trong phương pháp dân tộc học ảo, Hine cho rằng “tiếp cận bộ phận” có ý nghĩa quan trọng vì nó giúp nhà nghiên cứu tập trung tìm hiểu vấn đề cụ thể thay vì bao quát “tổng thể địa bàn nghiên cứu”. Tiếp cận bộ phận đồng nghĩa với việc nhà dân tộc học chú ý đến “sự kết nối” (*connectivity*) để phân tích vấn đề thay vì tiếp cận theo địa bàn nghiên cứu thường mang tính “cố định” trong không gian nghiên cứu trực tiếp của không ít nghiên cứu dân tộc học truyền thống. Tiếp cận bộ phận trong dân tộc học ảo hướng các nhà nghiên cứu tập trung vào vấn đề mình quan tâm và tìm hiểu đến cùng vấn đề trên cơ sở khám phá sự kết nối. Theo cách này, dân tộc học ảo của Hine về bản chất là dân tộc học kết nối (*connective ethnography*), xét về địa bàn là dân tộc học đa điểm. Dân tộc học ảo trang bị cho các nhà nghiên cứu những phương pháp khám phá các trang mạng, các nhóm tin trên Internet.

Về phương pháp, như đã đề cập ở trên, các nhà dân tộc học ảo sử dụng phương pháp quan sát tham gia và bộ công cụ điền dã dân tộc học truyền thống để nghiên cứu không gian ảo. Tuy nhiên, trong không gian ảo, phương pháp quan sát tham gia nói riêng và các phương pháp dân tộc học truyền thống nói chung được điều chỉnh cho phù hợp với không gian ảo, thay vì khảo tả toàn diện mọi vấn đề của không gian ảo. Trong phân tích văn hóa trực tuyến, nhà dân tộc học cần đặc biệt chú ý đến tính xác thực của tư liệu quan sát tham gia trực tuyến. Bởi vì, cộng đồng ảo có chức năng xã hội, nhưng cộng đồng ảo trong không gian ảo không nhất thiết giống hết cộng đồng truyền thống trong không gian thực tiếp. Trong cộng đồng ảo, nhà dân tộc học cần chú ý đến trò chơi bản sắc hay danh tính (*identity play*). Các thành viên của cộng đồng ảo có thể cùng lúc đóng nhiều vai, thể hiện nhiều bản sắc và những bản sắc trực tuyến của họ không nhất thiết là bản sắc của chính họ trong không gian thực tiếp.

So với các tiếp cận dân tộc học truyền thống, dân tộc học ảo có một số khác biệt trên hai phương diện:

Thứ nhất là bản chất của sự tương tác với đối tượng nghiên cứu. Dân tộc học truyền thống nói chung nhấn mạnh đến sự tương tác trực tiếp của nhà dân tộc học (người điền dã dân tộc học) với đối tượng nghiên cứu để tạo nên giá trị của khảo tả dân tộc học. Để có được sự tương tác trực tiếp này, nhà dân tộc học cần đi đến địa bàn nghiên cứu. Việc đi lại như vậy là một phần quan trọng để nhà dân tộc học có thể tương tác trực tiếp với đối tượng nghiên cứu ở địa bàn nghiên cứu. Các nhà nhân học hậu hiện đại còn nhấn mạnh đến trải nghiệm sống ở địa bàn nghiên cứu. Với họ, tham gia thôi là chưa đủ. Thay vào đó, nhà dân tộc học cần có sự trải nghiệm với đối tượng nghiên cứu trên một số phương diện nhất định. Tham gia và trải nghiệm giúp nhà dân tộc học có được sự hiểu biết đầy đủ về đối tượng nghiên cứu, như Rosaldo lập luận (Rosaldo, 1989). Tuy nhiên, dân tộc học ảo không cần sự di chuyển thể chất này mà có

thể ngồi ở một chỗ, sử dụng máy tính và các công cụ thông minh để tìm kiếm thông tin và khám phá các không gian xã hội trên Internet qua việc thương lượng để thâm nhập, tham gia, quan sát những tương tác, trao đổi với người tham gia trên Internet. Tuy nhiên, trong điều đã dân tộc học ảo, nhà dân tộc học ảo có thể ẩn danh trong khi điều đã dân tộc học trực tiếp thì không thể làm như vậy. Trong phân tích dân tộc học ảo, tính xác thực của “thông tin ảo” cũng cần được đặt trong các tình huống cụ thể, chứ không phải là sự thật tuyệt đối.

Thứ hai, dân tộc học ảo coi Internet là một tập hợp các văn bản². Sử dụng Internet chính là quá trình đọc và viết văn bản. Do đó, công việc của nhà dân tộc học ảo là hiểu được ý nghĩa của các thực hành văn bản Internet. Việc đọc và diễn giải ý nghĩa của các văn bản này cần đặt trong bối cảnh chúng được tạo ra, sử dụng và có thể so sánh với các văn bản được tạo ra và sử dụng trong các bối cảnh khác. Tiếp cận địa bàn nghiên cứu trong dân tộc học ảo là tiếp cận một trang mạng. Nhà dân tộc học có thể khám phá sự phát triển của trang mạng, coi trang mạng là một kho văn bản, kết hợp nghiên cứu các kho văn bản trên các trang mạng. Để phân tích và diễn giải các văn bản và tạo tác văn hóa Internet, nhà dân tộc học cần có tư duy phản thân, xác định rõ vị trí và cách phân tích của mình trong điều đã dân tộc học ảo, cần thành thạo trong sử dụng Internet và thừa nhận tính chủ quan trong văn bản dân tộc học do nhà nghiên cứu viết ra.

- *Các nguyên tắc của dân tộc học ảo*

+ Dân tộc học ảo đòi hỏi nhà nghiên cứu phải duy trì sự hiện diện của mình ở địa bàn nghiên cứu và tích cực gắn kết với các kết nối/mối liên hệ.

+ Khám phá Internet như các kênh/phương thức truyền thông tương tác (*interactive media*).

+ Các tương tác truyền thông mang tính di động.

+ Địa bàn nghiên cứu là các dòng chảy và sự kết nối chứ không phải là các địa bàn cố định, có giới hạn.

+ Ranh giới của các dòng chảy và sự kết nối không phải là cái có trước, mà được xác định trong quá trình thực hiện dân tộc học ảo.

+ Sự tham gia trong dân tộc học ảo mang tính gián đoạn hơn là một quá trình liên tục.

+ Dân tộc học ảo mang “tính bộ phận” hơn là “tổng thể”.

+ Sự gắn kết tích cực trong dân tộc học ảo là sự gắn kết của nhà dân tộc học với cả người cung cấp thông tin và công nghệ, trong các bối cảnh cụ thể, và mang tính phản thân.

+ Dân tộc học ảo là dân tộc học *trong, của và thông qua* trực tuyến.

² Trong khi đó dân tộc học mạng xác định Internet là các tương tác xã hội.

+ Dân tộc học ảo là dân tộc học thích nghi, đòi hỏi nhà nghiên cứu phải điều chỉnh để thích nghi với các điều kiện nghiên cứu cụ thể.

2.2. Dân tộc học mạng

Netnography là dân tộc học mạng, tập trung nghiên cứu các tương tác xã hội trực tuyến (*online social interaction*), nên còn được gọi là dân tộc học trực tuyến (*online ethnography*). Tiếp cận dân tộc học mạng được Robert Kozinets phát triển từ năm 1995 và được trình bày một cách hệ thống trong cuốn sách *Netnography: Doing Ethnographic Research Online* công bố năm 2010, và được định nghĩa lại vào năm 2015 trong *Netnography: redefined* (Kozinets, 2010; 2015).

- Xã hội trực tuyến

Trong bản in năm 2010, Kozinets tập trung vào đối tượng nghiên cứu là “cộng đồng trực tuyến” (*online community*) và “văn hóa trực tuyến” (*online culture*). Đến năm 2015, tác giả xác định lại đối tượng nghiên cứu của dân tộc học mạng là “xã hội trực tuyến” (*online sociality*), đặc biệt là “tương tác xã hội và trải nghiệm trực tuyến” (*online social interaction and experience*) trên các nền tảng và phương tiện truyền thông, như Facebook, Twitter, Instagram, YouTube và các mạng xã hội khác. Với sự phổ biến của Internet trên phạm vi toàn cầu, số lượng người dùng Internet nói chung và các mạng xã hội nói riêng ngày càng nhiều. Trong bối cảnh đó, Robert Kozinets đã quy Internet về các nền tảng và phương tiện truyền thông, như Facebook, Twitter, Instagram, YouTube và các mạng xã hội khác. Tác giả lý thuyết hóa việc sử dụng các nền tảng và phương tiện truyền thông là “xã hội trực tuyến”, khác với “văn hóa trực tuyến” trong dân tộc học ảo của Christine Hine (2000) đã được phân tích ở trên. Trên các nền tảng mạng xã hội này, con người trực tuyến và công nghệ tương tác với nhau. Theo Kozinets, những tương tác xã hội và trải nghiệm trực tuyến này có thể nghiên cứu được bằng dân tộc học mạng.

Khi các nền tảng mạng xã hội được coi là “xã hội trực tuyến” thì nó đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học. Robert Kozinets xác định rõ dân tộc học mạng là cách tiếp cận dân tộc học sử dụng phương pháp quan sát tham gia và các phương pháp khoa học xã hội khác, như khảo sát, phỏng vấn, phân tích mạng xã hội..., cho phù hợp với đối tượng và địa bàn nghiên cứu là xã hội trực tuyến trong các mạng xã hội trực tuyến. Nói cách khác, tác giả lý thuyết hóa các mạng xã hội trên Internet thành “tính xã hội mạng” và coi tương tác trên các mạng xã hội là đối tượng nghiên cứu của dân tộc học mạng. Bằng cách này, Robert Kozinets (2015) xây dựng một phương pháp luận mới để phân tích và giải thích xã hội trực tuyến thông qua trải nghiệm xã hội và tương tác xã hội trực tuyến mà tác giả gọi là dân tộc học mạng (*netnography*).

- Phương pháp dân tộc học mạng

Về mặt phương pháp, dân tộc học mạng nhấn mạnh đến “tương tác và trải nghiệm xã hội mạng”, nhà dân tộc học cần coi truyền thông xã hội và sự tham gia trực tuyến là tương

tác trực tuyến. Quan sát tham gia trực tuyến đòi hỏi các nhà dân tộc học nhìn nhận hiện tượng xã hội trực tuyến như một “tiền trình” (*process*). Bằng cách này, nhà nghiên cứu liên tục tương tác và dõi theo hiện tượng xã hội như nó diễn ra. Theo đó, họ cần chủ động tương tác trong các “nhóm trực tuyến” (*online groups*) để học hỏi và nhận diện các “đầu mối” để khám phá xa hơn và sâu hơn.

Tư liệu thu được bằng phương pháp dân tộc học mạng gọi là “tư liệu dân tộc học mạng” (*nethnographic data*). Tư liệu dân tộc học mạng được tạo ra bởi các thực thể gắn với Internet, có thể là một cá nhân, một nhóm, một tổ chức, hay được tạo ra bởi sự tương tác giữa nhà nghiên cứu với đối tượng nghiên cứu. Tư liệu mạng tồn tại trực tuyến dưới các hình thức chữ, hình ảnh, âm thanh, hình vẽ, các trang mạng, hay các tác số,... Tư liệu mạng cũng được lưu giữ dưới hình thức tư liệu số. Trong dân tộc học mạng, việc ghi chép tư liệu nhấn mạnh đến tư duy phản thân. Phân tích tư liệu mạng cũng nhấn mạnh đến sự kết hợp của các kỹ năng phân tích và diễn giải tư liệu dân tộc học mạng.

- *Các nguyên tắc của dân tộc học mạng*

Robert Kozinets (2015) xây dựng 5 nguyên tắc định danh dân tộc học mạng:

- (1) Dân tộc học mạng sử dụng quan sát tham gia làm phương pháp chủ đạo.
- (2) Dân tộc học mạng mô tả, phân tích và lý thuyết hóa yếu tố con người trong tương tác giữa con người với công nghệ trực tuyến, tương tác và trải nghiệm xã hội trực tuyến.
- (3) Dân tộc học mạng tập trung chủ yếu vào thu thập tư liệu trên Internet.
- (4) Dân tộc học mạng gắn kết chặt chẽ với các chuẩn mực đạo đức nghiên cứu trực tuyến có tính phổ quát.
- (5) Dân tộc học mạng coi trọng tri thức và sự thông minh của con người trong phân tích và diễn giải tư liệu mạng.

2.3. Dân tộc học số

Digital ethnography là dân tộc học số (Horst và cộng sự, 2016), đây là cách tiếp cận dân tộc học phân tích và giải thích “số” (*digital*) như một phần trong đời sống hằng ngày của thế giới đương đại trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn.

- *Số là đối tượng khám phá*

Được phát triển dựa trên nền tảng của các tiếp cận dân tộc học truyền thống, các tác giả của *Digital ethnography* xây dựng cách tiếp cận “dân tộc học số” để triển khai nghiên cứu dân tộc học gắn với “số” ở các địa bàn khác nhau. Nói cách khác, dân tộc học số là cách nghiên cứu số bằng tiếp cận dân tộc học. Theo đó, dân tộc học số xác định điểm xuất phát là ý tưởng cho rằng công nghệ và truyền thông số là một phần của thế giới và cuộc sống hằng ngày của con người. Tuy nhiên, nhà dân tộc học lại có cách tiếp cận không lấy số làm trung tâm và thừa nhận “tính chất vô hình” (*intangible*) là một phần của dân tộc học số.

- Các nguyên tắc thực hành dân tộc học số

Trên phương diện lý luận, tiếp cận dân tộc học số xác định 5 nguyên tắc thực hành dân tộc học số. Nguyên tắc về tính đa dạng (*multiplicity*) khẳng định có nhiều cách gắn kết với “số”. Dân tộc học số độc đáo ở câu hỏi nghiên cứu và cách nó đáp lại những thách thức trong triển khai nghiên cứu. Mỗi đề tài thường được dẫn dắt bởi những lý thuyết gắn kết với các ngành học và mối quan tâm của các đối tác nghiên cứu, các thực thể và người tham gia nghiên cứu. Những ảnh hưởng và tác động này làm cho mỗi đề tài nghiên cứu tiến triển theo những cách riêng. Ngoài ra, nhà dân tộc học số còn phải chú ý đến mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa công nghệ và truyền thông số với cuộc sống hằng ngày trong các bối cảnh nghiên cứu cụ thể để có cách gắn kết số phù hợp với từng bối cảnh điền dã dân tộc học số.

Nguyên tắc không lấy “số” làm trung tâm (*non-digital-centric approach*) đòi hỏi nhà dân tộc học không chỉ đơn thuần nghiên cứu trực diện số, tập trung vào phân tích và giải thích số. Ví dụ, trong nghiên cứu truyền thông số, nhà nghiên cứu cần đặt “truyền thông số” (*digital media*) trong bối cảnh và các mối quan hệ rộng lớn hơn. Để hiểu truyền thông số là một phần của thế giới hằng ngày của con người thì nhà dân tộc học cần khám phá các chiều cạnh khác trong thế giới và đời sống hằng ngày của họ. Bằng cách đó, nhà dân tộc học cần tập trung vào các lĩnh vực hoạt động có sử dụng truyền thông số hơn là chỉ quan tâm đến các đặc trưng hay việc sử dụng truyền thông. Theo đó, các phương pháp nghiên cứu của dân tộc học số cũng không nên lấy “số” làm trung tâm. Điều này có nghĩa là dân tộc học số không nhất thiết là sử dụng phương pháp số. Như vậy, các phương pháp số cần gắn với các câu hỏi nghiên cứu cụ thể. Nghiên cứu việc sử dụng truyền thông số có thể triển khai hiệu quả khi không sử dụng các công nghệ số làm phương pháp nghiên cứu. Có thể nói, việc đặt truyền thông số trong mối quan hệ nghiên cứu với các thành tố và lĩnh vực khác, nhà dân tộc học có thể hiểu số như một phần của thế giới rộng lớn hơn, tăng cường cách thức chúng ta nghiên cứu số và tri thức về những tác động của số đối với các thành tố khác của xã hội con người.

Nguyên tắc về tính mở (*openness*). Tính mở ngày càng quan trọng trong học thuật đương đại. Trong dân tộc học số, tính mở cho phép nhà dân tộc học nhìn nhận quá trình nghiên cứu như một quá trình “mở” vì dân tộc học số không phải là một phương pháp nghiên cứu “đóng”. Theo cách đó, tính mở thúc đẩy nhà dân tộc học cởi mở với những ảnh hưởng, các ngành học và các tác nhân mà nhà dân tộc học cộng tác trong quá trình nghiên cứu. Nguyên tắc mở hàm ý dân tộc học số là một quá trình cộng tác. Tuy nhiên, đây không đơn thuần là sự cộng tác thông thường trong các tiếp cận dân tộc truyền thống, mà là các hình thức cộng tác số trong quá trình điền dã dân tộc học số và các hình thức cộng tác này hứa hẹn những cách thức cùng kiến tạo tri thức giữa nhà dân tộc học với các cộng tác viên và người tham gia nghiên cứu.

Nguyên tắc về tư duy phản thân (*reflexivity*) của dân tộc học số liên quan đến thực hành tư duy phản thân trong nhân học ra đời từ những thập niên 1980 và 1990 xoay quanh các câu hỏi về việc tri thức được tạo ra như thế nào thông qua điền dã dân tộc học. Các câu hỏi này bao gồm (1) Sự thiên vị, hay tính chủ quan của nhà dân tộc học; (2) Bản chất của giải thích

dân tộc học là cách chủ động hay sáng tạo để tạo ra tri thức; (3) Yêu cầu nhà dân tộc học công nhận những cộng tác trong quá trình nghiên cứu để tạo ra tri thức. Trong thực hành dân tộc học số, nhà nghiên cứu có thể nghĩ đến đặc điểm riêng biệt liên quan đến những cách thức họ tương tác với số và lý thuyết hóa số. Theo đó, nhà dân tộc học cần tự hỏi xem mình đã tạo ra tri thức như thế nào thông qua tương tác với môi trường số. Các mối quan hệ của nhà nghiên cứu với số có vị trí then chốt đối với cách chúng ta tương tác với số trong quá trình nghiên cứu và trong cách chúng ta tạo ra tri thức.

Nguyên tắc về “tính chất không chính thức” (*unorthodox*) trong dân tộc học số đòi hỏi nhà dân tộc học phải chú ý đến các hình thức giao tiếp thay thế. Nguyên tắc này khuyến khích các nhà dân tộc học khám phá số như một phần của đời sống hằng ngày bằng những phương pháp mới, cách giải thích mới, cách viết và công bố mới thay vì chỉ đơn thuần tuân thủ các quy chuẩn và thông lệ của nghiên cứu dân tộc học.

Trên phương diện thực tiễn, tập trung vào các công nghệ và truyền thông số (*digital technologies and media*), các tác giả gắn kết nội dung cuốn sách với nhiều khái niệm then chốt, đó là các đơn vị phân tích hay phân loại trong thiết kế, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu dân tộc học số trong các ngành khoa học xã hội, nhân văn và nghệ thuật, bao gồm: “trải nghiệm” (*experience*), “thực tiễn” (*practice*), “quan hệ” (*relationships*), “đồ vật” (*things*), “địa bàn” (*localities*), “thế giới xã hội” (*social worlds*), và “sự kiện” (*events*). Mỗi chương trong cuốn sách tập trung vào một trong các khái niệm nêu trên. Ở từng chương, các tác giả tập trung vào giới thiệu khái niệm, tổng hợp các tiếp cận trong nghiên cứu khái niệm, nêu những gợi ý của công nghệ và truyền thông số trong nghiên cứu khái niệm, trình bày 3 ví dụ được triển khai nghiên cứu bằng dân tộc học số và phản ánh việc nghiên cứu khái niệm trong dân tộc học số.

Nhìn tổng thể, dân tộc học số không giới hạn nghiên cứu trong phạm vi không gian nghiên cứu trực tiếp hay trực tuyến. Thay vào đó, tùy từng đề tài và bối cảnh nghiên cứu mà nhà dân tộc học có thể gắn kết với “số” trong không gian trực tiếp, hay trực tuyến, hoặc gắn kết với cả không gian trực tiếp và trực tuyến.

2.4. Dân tộc học kết hợp

Hybrid ethnography nghĩa là dân tộc học kết hợp (Przybylski, 2020). Trong cuốn sách *Hybrid ethnography: Online, offline, and in between*, Przybylski trình bày cách tiếp cận dân tộc học kết hợp cả hai không gian trực tiếp và trực tuyến. Tác giả lập luận rằng thế giới hiện nay tồn tại hai không gian, đó là không gian trực tiếp và không gian trực tuyến và hai không gian này tương tác với nhau sâu đến mức không thể hoàn toàn tách rời nhau. Theo đó, tiếp cận dân tộc học cần kết hợp nghiên cứu cả hai không gian này. Nhìn tổng thể, tiếp cận kết hợp trong nghiên cứu dân tộc học với hai hay nhiều chiều cạnh của không gian trực tiếp và không gian trực tuyến để tạo ra khả năng phân tích sự phức tạp của thế giới đương đại. Tiếp cận kết hợp (*hybrid approach*) vốn phổ biến trong công nghệ ô tô đã không chỉ truyền cảm hứng cho

các nhà khoa học xã hội xây dựng cách tiếp cận dân tộc học mới mà còn là cơ sở để họ xây dựng các tiếp cận lý thuyết mới.

Cuốn sách *Hybrid ethnography* của Przybylski giới thiệu toàn bộ quy trình nghiên cứu và các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu dân tộc học kết hợp. Trong Chương 1: “Giới thiệu dân tộc học kết hợp” (*Introduction to Hybrid ethnography*), tác giả giới thiệu và lý thuyết hóa không gian trực tiếp, cụ thể là địa bàn trực tiếp (*offline field*) và không gian trực tuyến, tức địa bàn trực tuyến (*online field*). Tác giả lập luận rằng trong thế kỷ XXI, thế giới (không gian) trực tuyến là nửa thứ hai của cuộc sống và công việc của chúng ta. Tác giả thậm chí còn nhận định rằng trong thế giới ngày nay, hiếm có nhà dân tộc học nào chỉ thấy địa bàn nghiên cứu của mình đơn thuần là không gian trực tiếp, hoặc không gian trực tuyến. Thay vì có một bản sắc duy nhất, một người có thể tạo ra nhiều bản sắc trong cả hai không gian trực tiếp và không gian trực tuyến. Nếu chỉ dừng lại ở không gian trực tiếp thì nhà nghiên cứu có thể quan sát được những động năng diễn ra “trực tiếp”, nhưng không biết được những tương tác của người tham gia diễn ra trên Internet. Ngược lại, nếu nhà nghiên cứu chọn không gian trực tuyến (*online*) thì có thể tham gia và quan sát được những gì diễn ra trực tuyến, nhưng lại không thấy được các tương tác và thảo luận trực tiếp. Vì thế, nghiên cứu dân tộc học cần kết hợp cả hai loại không gian trên, nhà dân tộc học theo tiếp cận kết hợp phải chuyển đổi giữa các không gian nghiên cứu để thu thập tư liệu dân tộc học trực tiếp và tư liệu dân tộc học trực tuyến. Điều này đòi hỏi các kỹ năng có tính phê phán để kể một câu chuyện có tính phân tích, tạo nên từ ý nghĩa của các tư liệu mà nhà dân tộc học kết hợp thu được. Như vậy, phương pháp nghiên cứu của dân tộc học kết hợp gắn kết với các địa bàn nghiên cứu trực tiếp và địa bàn nghiên cứu trực tuyến. Dựa vào nghiên cứu về văn hóa biểu đạt (*expressive culture*), nhất là về hình ảnh, âm thanh, video, tác giả lập luận rằng dân tộc học kết hợp có thể là phương pháp chủ đạo, hoặc là một trong các phương pháp của một đề tài nghiên cứu. Sự khác biệt giữa các nghiên cứu chỉ là ở mức độ sử dụng tiếp cận kết hợp trong nghiên cứu dân tộc học. Mức độ này có thể được điều chỉnh trong tiến trình nghiên cứu để thích nghi với thực tiễn triển khai nghiên cứu.

Chương 2 với tựa đề “Đạo đức” (*Ethics*) thảo luận vấn đề đạo đức nghiên cứu. Chương 3: “Nền tảng: Tư duy phản thân và sự kết nối nghiên cứu” (*Grounding: Research Reflectivity and Connectivity*) nhấn mạnh đến tư duy phản thân, sự kết nối và cách thiết kế nghiên cứu dân tộc học kết hợp. Chương 4: “Thu thập và tổ chức tư liệu” (*Collecting and Organizing Your Data*) trình bày phương pháp quan sát tham gia, ghi chép tư liệu và quản lý tư liệu trong dân tộc học kết hợp. Chương 5: “Tham gia, Quan sát và Diễn giải” (*Participation, Observation and Interpretation*) hướng dẫn cách diễn giải tư liệu trong nghiên cứu dân tộc học kết hợp. Ví dụ, từ quan sát tham gia trực tiếp, nhà nghiên cứu có thể phân tích và mở rộng phạm vi tìm kiếm tư liệu liên quan trên các website, blogs, truyền thông xã hội,... Từ quan sát tham gia trực tuyến, nhà nghiên cứu có thể đi đến quan sát trực tiếp. Chương 6: “Chụp ảnh và Ghi âm trong Dân tộc học kết hợp” (*Photography and Recordings in Hybrid Ethnography*) hướng dẫn việc tư liệu hóa

(documentation) bằng ghi âm, ghi hình và chụp ảnh trong điền dã dân tộc học kết hợp. Chương 7: “Phỏng vấn và Khảo sát” (*Interviews and Surveys*) hướng dẫn cách khảo sát bằng phỏng vấn và bảng hỏi để thu thập tư liệu và đạt được sự phân tích mang tính toàn diện phù hợp với câu hỏi nghiên cứu. Chương 8: “Phân tích tư liệu điền dã kết hợp” (*Hybrid Fieldwork Analysis*) hướng dẫn cách phân tích tư liệu thu được từ cả hai không gian nghiên cứu trực tiếp và trực tuyến. Chương 9: “Chia sẻ kết quả nghiên cứu” (*Sharing Research Results*) hướng dẫn cách viết và công bố, chia sẻ kết quả nghiên cứu. Chương 10: “Kết luận” (*Conclusion: Remaining Nimble in the Changing Field*) khẳng định lại thực tế con người đang sống trong một kỷ nguyên các công nghệ mới xuất hiện không ngừng và thay đổi nhanh chóng. Do đó, dân tộc học kết hợp cũng phải thay đổi khi các công nghệ mới xuất hiện. Thực tế này đòi hỏi các nhà nghiên cứu thích ứng với những biến đổi trên nhiều phương diện, bao gồm cả công nghệ và phương pháp nghiên cứu để thích nghi với những biến đổi và triển khai nghiên cứu hiệu quả.

Nhìn tổng thể, trong *Hybrid ethnography*, Przybylski có xu hướng giới thiệu kỹ các phương pháp dân tộc học trực tuyến hơn các phương pháp dân tộc học trực tiếp vì cho rằng các phương pháp dân tộc học trực tiếp (truyền thống) đã được thảo luận nhiều. Vấn đề cần làm đối với nhà nghiên cứu là điều chỉnh các phương pháp dân tộc học truyền thống để thích nghi với nghiên cứu dân tộc học trong không gian trực tuyến. Khi tiếp cận địa bàn nghiên cứu trực tuyến, tác giả nhấn mạnh “phần” (*portion*) và “cảnh” (*scene*) của địa bàn nghiên cứu mà nhà nghiên cứu tham gia và quan sát được. “Phần” của địa bàn nghiên cứu hàm ý thực tế nhà nghiên cứu chỉ tiếp cận được một góc nhìn của địa bàn nghiên cứu và “cảnh” hàm ý địa bàn nghiên cứu trực tuyến diễn ra như một tiến trình và nhà nghiên cứu chỉ có thể tham gia và quan sát được “cảnh” mình thấy. Ngoài ra, do trọng tâm phân tích và nhiều ví dụ dân tộc học trong *Hybrid ethnography* tập trung vào văn hóa biểu đạt - chủ đề nghiên cứu của tác giả, nên các hướng dẫn của Przybylski có phần yếu trong phân tích các mạng xã hội. Dù vậy, đóng góp quan trọng nhất của *Hybrid ethnography* là gợi mở và định hướng cho nhà nghiên cứu phải kết hợp cả hai không gian trực tiếp và không gian trực tuyến trong nghiên cứu dân tộc học ở thời kỳ kỷ nguyên số³.

Kết luận

Kỷ nguyên số là bối cảnh của những biến đổi nhanh chóng trong các xã hội con người ở các cấp độ từ địa phương, quốc gia đến toàn cầu. Những biến đổi này vừa mở ra đối tượng nghiên cứu mới, không gian nghiên cứu mới, vừa đòi hỏi các nhà nhân học và khoa học xã hội phải sáng tạo, đổi mới kịp thời và hiệu quả để tìm hiểu, phân tích và lý giải hiện thực mới của thế giới con người.

Nhân học là một trong các ngành học luôn tiên phong, không chỉ bắt kịp mà còn luôn đổi mới mọi phương diện nghiên cứu, từ nhận diện các vấn đề mới ở đối tượng nghiên cứu,

³ Xem thêm những thảo luận về sự điều chỉnh cách tiếp cận dân tộc học nói chung, quan sát tham gia nói riêng trong trường hợp nghiên cứu cộng đồng người Hàn Quốc ở Hà Nội (Suu and Giang, 2022).

địa bàn nghiên cứu, kiến tạo phương pháp nghiên cứu, đến việc xây dựng các lý thuyết và sản sinh ra nhiều kết quả nghiên cứu mới theo những cách khác nhau. Trên phương diện lý luận và phương pháp luận, những phát triển mới này đều diễn ra theo hướng đổi mới các tiếp cận dân tộc học truyền thống cho phù hợp với đối tượng và không gian nghiên cứu mới, chứ không phải từ bỏ cách nghiên cứu dân tộc học để theo đuổi các cách nghiên cứu mới. Trong hơn hai thập kỷ qua, bên cạnh các tiếp cận dân tộc học truyền thống, các cách tiếp cận dân tộc học mới được xây dựng, phát triển và ứng dụng sáng tạo trong phân tích nhiều vấn đề lý thú của nhân học và các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Các tiếp cận dân tộc học mới không chỉ đi tiên phong khám phá các vấn đề mới gắn với Internet, công nghệ số và mạng xã hội, mà đây thực sự là những cách tiếp cận góp phần phân tích các đề tài nghiên cứu mới trong bối cảnh số và mở ra những hướng phân tích mới trong nghiên cứu nhân học cũng như các ngành khoa học xã hội và nhân văn nói chung.

Tài liệu tham khảo

1. DeWalt, Kathleen, M. and DeWalt, Billie R. (2011), *Participant observation: A guide for fieldworkers*, Rowman Altamira.
2. Geertz, Clifford (1973), *The interpretation of cultures*, Vol. 5019, Basic books.
3. Hine, Christine (2015), *Ethnography for the internet: Embedded, embodied and everyday*, Bloomsbury Academic.
4. Hine, Christine (2000), *Virtual ethnography*, SAGE.
5. Horst, H., Lewis, T., Hjorth, L., Postill, J., & Pink, S. (2015), *Digital ethnography: Principles and practice*, SAGE.
6. Kozinets, Robert V. (2010), *Netnography: Doing Ethnographic Research Online*, SAGE.
7. Kozinets, Robert V. (2016), *Netnography: redefined*, SAGE.
8. Malinowski, Bronislaw (1922, tái bản 2002), *Argonauts of the Western Pacific: An account of native enterprise and adventure in the archipelagoes of Melanesian New Guinea*, Routledge.
9. Przybylski, Liz (2020), *Hybrid ethnography: Online, offline, and in between* (Vol. 58), SAGE.
10. Rosaldo, Renato (1989), "Grief and a Headhunter's Rage", in: *Culture & truth: The remaking of social analysis*, Beacon Press, pp.1-24.
11. Suu, V. N. and Giang T. N. (2022), *Doing Participant Observation Online: A Case Study of the Korean Diaspora Community in Hanoi, Vietnam*, SAGE.